

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN
NƯỚC ĐÀM SEN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty cổ phần Công viên nước Đầm Sen là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001384 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh khác.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty đặt tại số 3 đường Hòa Bình, Phường 03, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 84,5 tỷ đồng.

Công ty có chức năng kinh doanh chủ yếu sau: dịch vụ giải trí, vui chơi thể thao dưới nước và các dịch vụ khác (ăn uống, cho thuê đồ tắm, bán hàng lưu niệm).

2. Thành viên của Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Phạm Duy Hưng	Chủ tịch
Ông Hồ Duy Hùng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Chánh Lộc	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hiếu	Ủy viên (*)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Ủy viên (*)
Ông Đặng Huy Huân	Ủy viên
Ông Đặng Ngọc Nghĩa	Ủy viên

(*) Kể từ ngày 01/03/2008, Ông Nguyễn Quốc Khánh được bổ nhiệm thay thế cho ông Phạm Văn Hiếu.

10/03/08
CC
KT
D
/ /

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Thành viên của Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đặng Ngọc Thiên Từ	Trưởng ban
Bà Phạm Ngọc Lệ	Ủy viên
Bà Thái Uyển Phần	Ủy viên

4. Thành viên của Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đặng Ngọc Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trường	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

6. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

35587
GT
NH
TO
T.
10

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



7. Kiểm toán viên

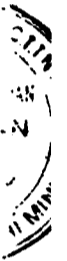
Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

8. Ý kiến của Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2009



ĐẶNG NGỌC NGHĨA



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



7. Kiểm toán viên

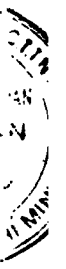
Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

8. Ý kiến của Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2009



ĐẶNG NGỌC NGHĨA



Số: 09.212/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty cổ phần Công viên nước Đầm Sen (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2007

Trong năm 2007, Công ty đã ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu với số tiền 14,39 tỷ đồng từ nguồn chênh lệch đánh giá lại tài sản, cụ thể như sau:

- Căn cứ Biên bản đánh giá tài sản cố định của Công ty TNHH Công viên nước Đầm Sen ngày 12/12/2002 và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công viên nước Đầm Sen ngày 14/12/2002, Công ty ghi tăng chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định với số tiền là 7,25 tỷ đồng.
- Căn cứ Biên bản số 221/07-TĐ-KTTV ngày 27/2/2007 của Công ty kiểm toán A&C về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty vào thời điểm 31/12/2002, Công ty ghi tăng chênh lệch do đánh giá lại các tài sản sau:

	<i>Tỷ đồng</i>
Tài sản cố định	6,98
Tiền, Chi phí trả trước	0,16
Tổng cộng	7,14

Theo các quy định hiện hành, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc hạch toán kế toán trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần bằng cách điều chỉnh sổ sách kế toán căn cứ vào Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Hiện nay, việc điều chỉnh sổ sách như trên chỉ áp dụng đối với trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để cho ý kiến đối với việc điều chỉnh sổ sách như đã nêu.

2. Lập dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán

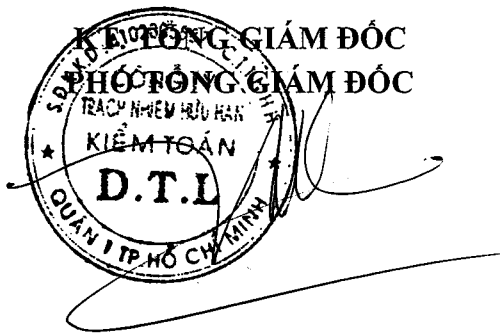
Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á có số tiền là 27,06 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa tính toán để trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản đầu tư tài chính này với số tiền là 5,7 tỷ đồng.

Như vậy, nếu chi phí nêu trên được ghi nhận đầy đủ thì kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 của Công ty sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2009



LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

D. N
C
TÁC
KIẾ
D
ENI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.524.570.949	32.188.554.221
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.194.494.063	4.828.821.942
1. Tiền	111	5.1	20.194.494.063	4.828.821.942
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.000.000.000	26.049.459.667
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2(a)	24.000.000.000	26.049.459.667
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		1.568.552.299	716.865.449
1. Phải thu khách hàng	131		14.859.000	
2. Trả trước cho người bán	132		687.225.000	46.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	866.468.299	670.365.449
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		455.621.735	303.164.979
1. Hàng tồn kho	141		455.621.735	303.164.979
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		305.902.852	290.242.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		85.452.852	130.592.184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		220.450.000	159.650.000

(Phần tiếp theo ở trang 7)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.959.607.211	64.440.080.818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
Tài sản cố định	220		32.293.113.032	40.275.106.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4(a)	19.932.996.314	26.753.627.253
- Nguyên giá	222		72.846.916.370	72.642.179.915
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.913.920.056)	(45.888.552.662)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.4(b)	12.120.387.303	13.521.479.019
- Nguyên giá	228		20.315.829.962	20.315.829.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.195.442.659)	(6.794.350.943)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230		239.729.415	
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.068.620.000	24.080.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.2(b)	27.068.620.000	24.080.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(6.000.000.000)	
V. Đầu tư dài hạn khác	260		597.874.179	84.974.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		552.874.179	39.974.545
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		45.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.484.178.160	96.628.635.039

(Phần tiếp theo ở trang 8)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.284.278.835	6.617.408.718
I. Nợ ngắn hạn	310		5.850.600.937	6.279.789.368
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		1.385.328.538	980.798.585
3. Người mua trả tiền trước	313		168.500.000	87.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.5	4.041.009.207	3.922.015.978
5. Phải trả người lao động	315		248.765.129	1.281.812.667
6. Chi phí phải trả	316			
.. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		6.998.063	8.162.138
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		433.677.898	337.619.350
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		159.500.000	122.342.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		274.177.898	215.277.350
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.199.899.325	90.011.226.321
I. Vốn chủ sở hữu	410		94.199.899.325	89.976.164.092
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.6(b)	84.500.000.000	65.000.000.000
.. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.6(a)	150.600.000	19.650.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.6(a)	1.291.696.197	322.241.574
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.6(a)	1.422.684.679	453.230.056
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.6(a)	6.834.918.449	4.550.092.462
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			35.062.229
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.6(a)		35.062.229
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.484.178.160	96.628.635.039

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
LÀNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		3.149,86	
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

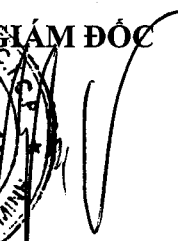
Ngày 30 tháng 3 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

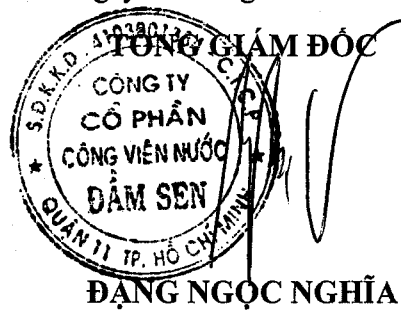


NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG VIÊN NƯỚC
ĐÀM SEN
QUẬN 11 TP. HỒ CHÍ MINH



ĐẶNG NGỌC NGHĨA

ĐẠI
C
TRÁCH
KIẾ
D
VIỆT

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

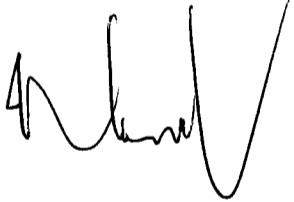
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	80.886.883.695	67.192.029.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		80.886.883.695	67.192.029.728
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	39.361.986.398	34.926.033.815
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.524.897.297	32.265.995.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.835.606.310	3.033.448.516
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.000.000.000	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	6.452.785.251	5.213.800.628
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.669.248.902	3.845.467.595
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		34.238.469.454	26.240.176.206
11. Thu nhập khác	31		156.785.110	438.091.806
12. Chi phí khác	32			5.895.778
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		156.785.110	432.196.028
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.395.254.564	26.672.372.234
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	7.965.703.527	7.283.279.772
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.429.551.037	19.389.092.462
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10(d)	4.066	3.525

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

Ngày 30 tháng 3 năm 2009



ĐẶNG NGỌC NGHĨA

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		88.301.489.103	72.972.101.840
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(26.918.390.031)	(24.630.070.038)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.865.123.549)	(10.852.081.515)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.714.591.949)	(10.777.267.195)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.582.660.025	4.245.546.766
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.568.585.161)	(12.189.493.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		27.817.458.438	18.768.736.042
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(467.840.631)	(2.218.628.941)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(177.500.000.000)	(14.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		179.549.438.182	200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.849.504.621	3.033.443.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	30		8.431.102.172	(13.885.185.378)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.400.600.000	9.750.560.098
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.283.760.000)	(11.424.096.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		(20.883.160.000)	(1.673.535.902)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.365.400.610	3.210.014.762
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	4.828.821.942	1.618.763.227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		271.511	43.953
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	20.194.494.063	4.828.821.942

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

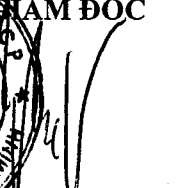
Ngày 30 tháng 3 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

QUẬN II TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG NGỌC NGHĨA



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các bản báo cáo tài chính được đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Công viên nước Đầm Sen (dưới đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001384 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh khác.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty đặt tại số 3 đường Hòa Bình, Phường 03, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 84,5 tỷ đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

Dịch vụ giải trí, vui chơi thể thao dưới nước và các dịch vụ khác (ăn uống, cho thuê đồ tắm, bán hàng lưu niệm).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

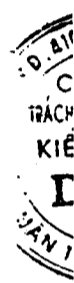
Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

50558

NG 1

TEM

ATC

T.

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Đối với tài sản cố định phát sinh trước ngày 31/12/2002: nguyên giá được điều chỉnh theo:

- Biên bản đánh giá tài sản cố định của Công ty TNHH Công viên nước Đàm Sen ngày 12/12/2002 và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công viên nước Đàm Sen ngày 14/12/2002.
- Biên bản số 221/07-TĐ-KTTV ngày 27/2/2007 về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cổ phần Công viên nước Đàm Sen vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2002.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Đối với tài sản cố định phát sinh trước ngày 31/12/2002: nguyên giá được điều chỉnh theo:

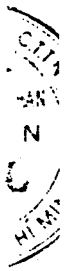
- Biên bản đánh giá tài sản cố định của Công ty TNHH Công viên nước Đàm Sen ngày 12/12/2002 và Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công viên nước Đàm Sen ngày 14/12/2002.
- Biên bản số 221/07-TĐ-KTTV ngày 27/2/2007 về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty CP Công viên nước Đàm Sen vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2002.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2008
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5-14 năm
+ Máy móc thiết bị	5-18 năm
+ Phương tiện vận tải	3-18 năm
+ Thiết bị văn phòng	3-6 năm
+ Tài sản cố định khác	4-5 năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu
Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Trong năm 2007, Công ty đã ghi tăng vốn chủ sở hữu với số tiền 14,4 tỷ đồng căn cứ Biên bản số 221/07-TĐ-KTTV ngày 27/2/2007 về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Công ty CP Công viên nước Đàm Sen vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2002.

- Ghi nhận cổ tức
Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
Công ty trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ công ty.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.8. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.9. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	285.494.543	267.022.077
Tiền gửi ngân hàng	<u>19.908.999.520</u>	<u>4.561.799.865</u>
Tổng cộng	<u>20.194.494.063</u>	<u>4.828.821.942</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

b. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn là khoản đầu tư cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á, tương đương với 1.208.862 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

5.3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
CT TNHH SX đồ chơi Ngọc Thạch	285.714.285	285.714.285
CT TNHH Một TV DV Du lịch Phú Thọ	128.020.950	195.947.600
Thuế TNCN của cán bộ nhân viên	437.133.064	168.538.564
Khác	<u>15.600.000</u>	<u>20.165.000</u>
Tổng cộng	<u>866.468.299</u>	<u>670.365.449</u>

510
C
TÁCH
KIẾ
D
17

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản cố định

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	34.653.052.744	32.572.679.172	4.079.657.610	1.003.402.169	333.388.220	72.642.179.915
Mua trong kỳ	139.341.909	-	-	31.440.000	33.954.546	204.736.455
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	34.792.394.653	32.572.679.172	4.079.657.610	1.034.842.169	367.342.766	72.846.916.370
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	21.398.597.423	20.956.875.778	2.468.830.912	784.829.603	279.418.946	45.888.552.662
Khấu hao trong năm	3.895.674.346	2.409.055.980	588.572.807	109.363.681	22.700.580	7.025.367.394
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	25.294.271.769	23.365.931.758	3.057.403.719	894.193.284	302.119.526	52.913.920.056
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	13.254.455.321	11.615.803.394	1.610.826.698	218.572.566	53.969.274	26.753.627.253
Tại ngày cuối năm	9.498.122.884	9.206.747.414	1.022.253.891	140.648.885	65.223.240	19.932.996.314

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.399.732.886 đồng.

(phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

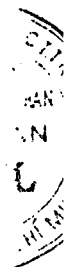
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	20.315.829.962
Mua trong năm	-
Giảm khác	-
Số dư cuối năm	<u>20.315.829.962</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.794.350.943
Khấu hao trong năm	1.401.091.716
Giảm khác	-
Số dư cuối năm	<u>8.195.442.659</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>13.521.479.019</u>
Tại ngày cuối năm	<u>12.120.387.303</u>

5.5. Thuế và các khoản khoản phải trả Nhà Nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	233.422.186	288.756.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.683.621.350	3.432.509.772
Thuế thu nhập cá nhân	<u>123.965.671</u>	<u>200.750.015</u>
Tổng cộng	<u>4.041.009.207</u>	<u>3.922.015.978</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.6. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Số dư đầu năm trước	43.900.000.000		218.659.288	349.647.770	20.694.744.182	14.390.516.390	141.302.306
Tăng vốn trong năm trước	35.490.516.390	19.650.600.000				(14.390.516.390)	
Giảm vốn trong năm trước	(14.390.516.390)						
Lợi nhuận trong năm trước					19.389.092.462		
Chia cổ tức					(21.424.096.000)		
Thu hồi cổ tức từ năm 2003-2005					(13.266.483.610)		
Trích lập quỹ			624.307.528	624.307.528	(1.884.615.056)		636.000.000
Hoàn nhập quỹ năm 2006			(520.725.242)	(520.725.242)	1.041.450.484		
Sử dụng quỹ							(742.240.077)
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	19.650.600.000	322.241.574	453.230.056	4.550.092.462		35.062.229
Tăng vốn trong năm nay	19.500.000.000	(19.500.000.000)					
Lợi nhuận trong năm nay					26.429.551.037		
Chia cổ tức					(24.283.760.000)		
Thu hồi cổ tức năm 2007 tính dư					3.400.260.000		
Trích lập quỹ			969.454.623	969.454.623	(3.261.321.050)		1.322.411.804
Sử dụng quỹ/khác					96.000		(1.357.474.033)
Số dư cuối năm nay	84.500.000.000	150.600.000	1.291.696.197	1.422.684.679	6.834.918.449		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Giá trị		Tỷ lệ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
CT TNHH 1 TV Du lịch Phú Thọ	28.338.710.000	21.799.008.000	33,54%	33,54%
Ngân hàng TMCP Việt Á	12.474.500.000	14.749.616.000	14,76%	22,69%
Đối tượng khác	43.686.790.000	28.451.376.000	51,70%	43,77%
Tổng cộng	84.500.000.000	65.000.000.000	100%	100%

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.450.000	650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.450.000	650.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.450.000	650.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.450.000	650.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.450.000	650.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành năm 2007 là 100.000 đồng/cổ phiếu và trong năm 2008 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

d. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập DN	26.429.551.037	19.389.092.462
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	4.066	3.525

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm 2007 được quy đổi theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

S. AI
 T. C
 T. ACH
 KIẾ
 D
 171

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.794.486.911
Doanh thu thức ăn và giải khát	19.587.977.489
Doanh thu khác	<u>2.504.419.295</u>
Tổng cộng	<u>80.886.883.695</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.933.012.120
Giá vốn thức ăn và giải khát	10.428.974.278
Giá vốn khác	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>39.361.986.398</u>

6.3. Doanh thu tài chính

	Năm nay
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.479.418.210
Cổ tức	<u>3.356.188.100</u>
Tổng cộng	<u>9.835.606.310</u>

6.4. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán dài hạn.

30055
NG
KINH
T.C.
10

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí bán hàng

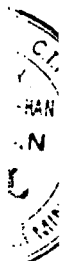
	Năm nay
Chi phí nhân viên	1.047.961.723
Chi phí khuyến mãi	935.299.868
Chi phí quảng cáo	2.973.420.682
Chi phí khác	<u>1.496.102.978</u>
Tổng cộng	<u>6.452.785.251</u>

6.6. Chi phí quản lý

	Năm nay
Chi phí nhân viên	3.126.696.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.363.681
Chi phí khác	<u>1.433.188.599</u>
Tổng cộng	<u>4.669.248.902</u>

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	7.965.703.527
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>7.965.703.527</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG VIÊN NƯỚC ĐÀM SEN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

7. Những thông tin khác

7.1. Thông tin về các bên có liên quan

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

Số cuối năm

Công ty TNHH 1 TV Du lịch Phú Thọ

Phải thu 128.020.950

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

Năm nay

Công ty TNHH 1 TV Du lịch Phú Thọ

Phân chia 15% doanh thu công viên Khủng Long 675.444.819

Trích lại 8% giá vé Công viên nước các ngày lễ 1.104.997.600

7.2. Lương của Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng thành viên

Năm nay

Lương Tổng Giám đốc 237.839.138

Thù lao Hội đồng Quản trị 808.868.836

Tổng cộng 1.046.770.974

7.3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

7.4. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2009.

Ngày 30 tháng 3 năm 2009

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN QUANG TRƯỜNG

